

Số: 944/NSHN-TCKT

V/v: Báo cáo giám sát Quý II và Lũy kế 6
tháng đầu năm 2026

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Sở Tài chính Hà Nội

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, đặc biệt khoản 1 Điều 54 quy định về chế độ báo cáo phục vụ công tác giám sát quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Công ty Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính Hà Nội về tình hình giám sát quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong Quý II năm 2026 và Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026. Các số liệu sử dụng trong báo cáo là số liệu ước thực hiện do Công ty Nước sạch Hà Nội, công ty con và các công ty liên kết đang trong quá trình lập và hoàn thiện Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 theo quy định. Nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngày 31/3/2026, Sở Tài chính Hà Nội ban hành Quyết định số 4614/QĐ-STC về việc giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2026 của Công ty mẹ - Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Tính đến thời điểm 30/06/2026, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2026 của công ty dự kiến đạt được kết quả như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Ước thực hiện		Tỷ lệ so sánh kế hoạch	
			Quý II/2026	Lũy kế đến Quý II/2026	Quý II/2026	Lũy kế đến Quý II/2026
1	Tổng doanh thu	3.128.662	761.986	1.423.014	24,36%	45,48%
2	Lợi nhuận sau thuế	267.980	114.055	212.040	42,56%	79,13%
3	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu	7,20%	3,00%	5,57%	41,62%	77,37%
4	Giá trị khối lượng thực hiện hoặc giá trị giải ngân đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp là cơ quan chủ quản theo Luật Đầu tư công; khoản đầu tư, dự án đầu tư do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt theo quy định	không	không	không		
5	Thực hiện nhiệm vụ được giao	không	không	không		

Đánh giá chung:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện cơ bản phù hợp với tiến độ kế hoạch năm. Tổng doanh thu Quý II/2026 ước đạt 761.986 triệu đồng, đạt 24,36% kế hoạch năm. 6 tháng đầu năm 2026 đạt 1.423.014 triệu đồng, đạt 45,48% kế hoạch năm.

Lợi nhuận sau thuế Quý II/2026 ước đạt 114.055 triệu đồng, đạt 42,56% kế hoạch năm. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 212.040 triệu đồng, đạt 79,13% kế hoạch năm.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Quý II/2026 đạt 3,00%, đạt 41,62% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 5,57%, đạt 77,37% kế hoạch năm.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư thuộc phạm vi báo cáo theo quy định và không có nhiệm vụ đặc thù được giao, do đó không ảnh hưởng đến kết quả chung.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, Công ty tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản được triển khai theo kế hoạch đề ra; doanh thu, lợi nhuận và nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước được thực hiện đầy đủ theo quy định.

II. Tình hình quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp**1. Vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

Vốn Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2026: 3.806.297 triệu đồng

Vốn điều lệ của Công ty: 3.656.600 triệu đồng (theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 21/05/2026)

Trong Quý II/2026, Công ty thực hiện quản lý, sử dụng vốn nhà nước theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm an toàn vốn.

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Trong Quý II/2026, Công ty tiếp tục quản lý, sử dụng vốn nhà nước theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm yêu cầu bảo toàn vốn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi đã góp phần tạo nguồn tích lũy, tăng cường năng lực tài chính và tạo cơ sở để phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Hiệu quả sử dụng vốn được thể hiện qua kết quả lợi nhuận sau thuế Quý II/2026 ước đạt 114.055 triệu đồng, đạt 42,56% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 212.040 triệu đồng, đạt 79,13% kế hoạch năm. Tuy nhiên, kết quả này chưa phản ánh đầy đủ tình hình thực hiện lợi nhuận của Công ty do đặc thù một số khoản chi phí phát sinh theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh, chủ yếu tập trung vào 6 tháng cuối năm như chi phí sửa chữa lớn, thay thế đồng hồ định kỳ, đại tu tài sản, khám sức khỏe định kỳ, trích lập dự phòng, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, chi phí đồng phục và các khoản chi phí theo kế hoạch khác... Bên cạnh đó, biến động tỷ giá đồng Yên 6 tháng đầu năm có xu hướng giảm từ 172 VND/JYP còn 162 VND/JYP góp phần làm tăng doanh thu hoạt động tài chính dẫn đến tăng lợi nhuận của Công ty.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Quý II/2026 đạt 3,00%, đạt 41,62% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 5,57%, đạt 77,37% kế hoạch năm.

3. Tình hình huy động và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

III. Tình hình đầu tư và quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác

Đến 30/06/2026, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

1. Đầu tư vào công ty con:

Đến 30/06/2026, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

- Ước tính Doanh thu Quý II/2026 ước đạt 220.242 triệu đồng, đạt 27,09% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 409.089 triệu đồng, tương đương 50,32% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2026 đạt 6.682 triệu đồng, đạt 29,65% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 13.004 triệu đồng, tương đương 57,69% kế hoạch năm.

Đánh giá chung: Kết quả thực hiện Quý II và lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 cho thấy Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo tiến độ kế hoạch, bảo toàn được vốn góp của chủ sở hữu và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

2. Đầu tư vào công ty liên kết:

2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Ước tính Doanh thu Quý II/2026 ước đạt 305.602 triệu đồng, đạt 27,18% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 546.160 triệu đồng, tương đương 48,58% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2026 đạt 40.419 triệu đồng, đạt 33,81% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 68.577 triệu đồng, tương đương 57,37% kế hoạch năm.

2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2.000 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Ước tính Doanh thu Quý II/2026 ước đạt 692 triệu đồng, đạt 2,31% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 704 triệu đồng, tương đương 2,35% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2026 đạt -1.331 triệu đồng, đạt -1663,75% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt -2.391 triệu đồng, tương đương -2988,75% kế hoạch năm.

2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 132.593 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Đến thời điểm lập báo cáo, Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng đã gửi báo cáo theo yêu cầu của Công ty Nước sạch Hà Nội; tuy nhiên, chưa cung cấp đầy đủ các chỉ tiêu tài chính phục vụ công tác giám sát Quý II và 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Nước sạch Hà Nội.

Theo Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước mặt Sông Hồng, tiến độ thực hiện dự án được điều chỉnh với mục tiêu phát nước thương mại trong Quý II/2025 và hoàn thành công trình, đưa vào sử dụng trong Quý IV/2026.

Tuy nhiên, đến thời điểm 30/6/2026, Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng, chưa phát nước thương mại và chưa đưa dự án vào khai thác, vận hành.

2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Ước tính Doanh thu Quý II/2026 ước đạt 12.080 triệu đồng, đạt 26,44% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 22.397 triệu đồng, tương đương 49,02% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2026 đạt 4.018 triệu đồng, đạt 26,91% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 6.523 triệu đồng, tương đương 43,69% kế hoạch năm.

2.5 Đầu tư khác

Công ty Nước sạch Hà Nội thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

- Ước tính Doanh thu Quý II/2026 đạt 273.435 triệu đồng, đạt 27,79% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 458.229 triệu đồng, tương đương 46,58% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2026 ước đạt 68.502 triệu đồng, đạt 50,53% kế hoạch năm; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 72.745 triệu đồng, tương đương 53,66% kế hoạch năm.

IV. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác

1. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp

Ngày 15/6/2026, Công ty Nước sạch Hà Nội nhận được Nghị quyết số 49/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần, vốn góp và thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; cơ chế chi trả tiền lương, thù lao đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết, **Công ty Nước sạch Hà Nội thuộc danh mục doanh nghiệp do Nhà nước tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ** trong lĩnh vực cung cấp nước sạch.

2. Việc triển khai xây dựng Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2026 và những năm tiếp theo

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát và hoàn thiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2026 và những năm tiếp theo theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở Tài chính Hà Nội.

Đến thời điểm báo cáo, Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp đang được Công ty tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện theo ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền nhằm bảo đảm thống nhất với các quy định hiện hành, phù hợp với tình hình thực tiễn và định hướng phát triển của Thành phố trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Đến nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đang tiếp tục tổ chức rà soát, cập nhật, hoàn thiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2026 và những năm tiếp theo nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, định hướng phát triển ngành và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

Trên cơ sở Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp đã báo cáo, Công ty giữ nguyên tỷ lệ vốn góp tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội với giá trị vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ nhằm đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cấp nước và thực hiện nhiệm vụ chính trị do UBND Thành phố Hà Nội giao.

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2.000 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Nước mặt Sông Hồng: vốn góp 132.593 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Thấp nước Hà Nội: vốn góp 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Công ty tiếp tục đề xuất thực hiện thoái vốn nhà nước tại đơn vị này khi được UBND Thành phố Hà Nội và cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Công ty Nước sạch Hà Nội sẽ căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã góp vốn 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo nội dung văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/03/2025 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại Phần IV, mục VII, Công ty đề xuất *“Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên mức 36-51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện), để tạo thuận lợi cho công tác ổn định hoạt động sản xuất, an ninh nguồn nước cho thành phố”*.

V. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Đến hết Quý II/2026, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện đầy đủ việc kê khai, báo cáo và nộp các khoản nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Lũy kế đến ngày 30/6/2026, tổng số tiền Công ty đã nộp ngân sách nhà nước là 186.017 triệu đồng.

VI. Tình hình thực hiện nhiệm vụ do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao

Trong Quý II/2026 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, Công ty Nước sạch Hà Nội đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao, bảo đảm đúng tiến độ và yêu cầu đề ra.

Công ty duy trì hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch liên tục, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân trên địa bàn Thành phố; quản lý, vận hành hệ thống cấp nước an toàn, ổn định, bảo đảm chất lượng nước theo quy chuẩn hiện hành và hạn chế tối đa các sự cố ảnh hưởng đến hoạt động cấp nước.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chính trị, các nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của Thành ủy, cơ quan đại diện chủ sở hữu; đồng thời phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương trong công tác đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, bảo đảm an ninh nguồn nước và phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Sau khi Nghị quyết số 49/2026/NQ-HĐND có hiệu lực, Công ty tiếp tục tổ chức quản lý, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; đồng thời tiếp tục rà soát, hoàn thiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp và các nội dung quản trị doanh nghiệp nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, định hướng phát triển của Thành phố và yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

VII. Đánh giá chung

Trong Quý II/2026 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, Công ty cơ bản đáp ứng các tiêu chí giám sát tài chính theo quy định của pháp luật và của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, tình hình tài chính cơ bản an toàn, không phát sinh các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển; vốn góp của chủ sở hữu được duy trì đầy đủ, không phát sinh các yếu tố làm giảm vốn nhà nước.

Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý tài chính và đầu tư vốn; Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

VIII. Kiến nghị

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Công ty Nước sạch Hà Nội kính đề nghị Sở Tài chính Hà Nội quan tâm, xem xét một số nội dung sau:

- Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ Công ty trong quá trình thực hiện các quy định về quản lý tài chính, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai các cơ chế, chính sách mới.

- Phối hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, tạo điều kiện để Công ty triển khai các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước theo quy hoạch được phê duyệt, góp phần nâng cao năng lực cấp nước và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục hướng dẫn Công ty trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến đầu tư, quản lý tài sản, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và các vấn đề tài chính khác theo quy định hiện hành, bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước an toàn, hiệu quả.

Công ty Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (để b/c);
- KSV Công ty;
- Ban TGD;
- Lưu: HCQT(3b); TCKT

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Trần Xuân Cường

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Giá trị khối lượng thực hiện năm 2026				Giải ngân năm 2026			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
							Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%	Tổng số giải ngân năm 2026		Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Đến 30/6/2026				
			A	B	C													KT	KT		
8	Nâng công suất NXM Bắc Thăng Long lên 300.000m3/ngày theo quy hoạch	- Nâng CS NXM từ 150.000m3/ngày lên 300.000m3/ngày; - XD trạm bơm dâng, cụm bể phân ứng, lắng lamella, cụm bể lọc, bể chứa nước sạch; - Nâng CS trạm bơm II lên 200.000m3/ngày; - Lắp đặt TB đảm bảo CS 300.000m3/ngày; - Lắp đặt hệ thống điện, khiển tổng thể CS 300.000m3/ngày; - XD các tuyến ống truyền dẫn				x			1,546,000	541,100	35%	1,004,900	65%	2026-2027	146	2,941	3,087				
9	Nghân cứu bổ sung nguồn khai thác cho NXM Nam Dư	Bổ sung nguồn nước thô cho NXM bằng nguồn nước mặt sông Hồng để đảm bảo công suất TK				x			195,000	48,750	25%	146,250	75%	2026-2027	147	-	-	147	-	147	
10	Cải tạo thay thế cụm van V2 của các nhà máy Ngõ S8 Lèn, Mai Dịch và Lương Yên	+ Thay thế bộ điều khiển hydroset của van V2 bằng đồng cơ điện khiển điện của O3 NM (MĐ 12, NSL: 8, LY2: 6) + Lắp đặt 05 bộ TB đo để đo O3 NM + Lắp đặt tủ điều khiển đồng cơ van V2 và cấp nhật vào hệ thống Scada của NML					x	362.QĐ-NSHN-CTCN ngày 01/4/2026	19,500		100%		2026			2,678	2,678	2,678			
11	Khoan thay thế giếng khai thác nước H2 Gra Lèn	Khoan thay thế giếng H2 NÔNG L để phục hồi công suất khai thác; -Điền nối với tuyến master thô hiện có + Bổ sung thiết bị quan trắc, truyền dữ liệu, tủ điều khiển					x		4,000		100%		2026			-	-	-			
12	Nghân cứu bổ sung nguồn khai thác cho NXM Gra Lèn	Bổ sung nguồn nước thô cho NXM bằng nguồn nước mặt sông Hồng để đảm bảo công suất TK					x		300,000	75,000	25%	225,000	2026-2027								
II	Cải tạo an Cầu tạo chống TTTT								629,108	291,460		337,648			32,407	98,828	154,053	98,828	55,225	154,053	173,008
B	Cải tạo an Cầu tạo chống TTTT								629,108	291,460		337,648			32,407	98,828	154,053	98,828	55,225	154,053	173,008
1	Cải tạo MLCN và chống thất thoát ở IB CN Cầu Giấy	+ Thay thế bộ sung tuyến PP HDPE DN110-160 L= 825; + Thay thế bộ sung tuyến PP ST DN100-225, L= 289m; + Thay thế bộ sung tuyến HDPE DI 60, L= 68m; + Thay thế bộ sung tuyến TD-PP hiện trạng L=42,395.5m; + Thay thế bộ sung tuyến DV HDPE DN50-DN63, L= 82.357m; + Cải tạo DH KH 13.548 bộ; + Thay thế ĐHDK 1.804 bộ.					x	897.QĐ-NSHN-CTCN ngày 04/4/2025	107,531	44,678	42%	62,903	59%	2025-2026	27,111	31,216	58,327	27,111	31,216	58,327	86,570
2	Cải tạo MLCN và chống thất thoát tại khu vực DN141+2 - 019.2 Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát					x	2798.NSHN-CTCN ngày 30/09/2024	31,967	15,955	50%	16,012	50%	2024-2025	20,624	8,063	28,687	20,624	8,063	28,687	26,376

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư				Nguồn vốn huy động 2026			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2026			Giải ngân năm 2026		Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
					Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%	Tổng số giải ngân năm 2026	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Kỳ trước chuyển sang	Đến 30/6/2026	
1	XD mang lại cấp nước cho các xã Bình Yên, Yên Bình, Yên Trung và phân xã Thạch Hòa huyện Thạch Thất (Gđ I)	- Lắp đặt 11 ĐH điện từ DN150-250 kiểm soát CN; - XD tuyến HDPE DN280, L = 969m; - XD tuyến HDPE DN225, L = 7.436m; - XD tuyến HDPE DN160, L = 15.717m; - XD tuyến HDPE DN110, L = 36.270m; - XD tuyến DV HDPE DN30, L = 206.935m; - Lắp đặt ĐH KH: 9.887 bộ.	x	857/QĐ-NSHN-CTCN ngày 03/04/2024	191.824	67.073	35%	124.751	65%	12.202	15	Thỏa mãn	108.815	12.202	107.338	119.540	
2	XD mang lại cấp nước cho 3 xã Tiên Xuân, Yên Bình, Yên Trung và một phần còn lại của xã Thạch Hòa huyện Thạch Thất (Gđ II)	- Lắp đặt 13 đồng hồ điện từ DN100-300; - Lắp đặt tuyến PP HDPE DN110-225, L = 79.116m; - Lắp đặt tuyến DV HDPE DN50, L = 118.182m; - Lắp đặt ĐH khách hàng 5.544 bộ	x	754/QĐ-NSHN-CTCN ngày 27/3/2025	183.902	64.501	35%	119.401	65%	43.136			49.975	47.762	49.975	97.737	
3	Xây dựng hệ thống mang lại cấp nước cho xã Thượng Phúc, xã Chương Dương, một phần xã Thượng Tân, một phần xã Phú Xuyết (Giai đoạn 2A)	+ XD 01 trạm bơm tăng áp CS Q=730m3/h, H=37m; - XD tuyến TD DN800-DJ, L=240m; - XD DN400-DJ, L=15.200m; - XD tuyến PP D315-HDPE, L=3.700m; - XD D315-HDPE, L=900; D110: 280, L=183.000m; - XD ống DV D30-63 L=424.000m; - Lắp ĐH CN 41.316 bộ dân.	x	3047/QĐ-NSHN-CTCN ngày 10/10/2025	975.272	341.345	35%	633.927	65%	181.200			11.491	234.732	11.491	246.223	246.223
4	Xây dựng tuyến ống D800, Cải tạo hoàn thiện mang lại cấp nước, cấp nước cho các hộ dân xã Hồng Vân, một phần xã Chương Dương (Giai đoạn 2B)	- XD tuyến TD DN800, L = 4.500m; - XD tuyến TD DN400, L = 5.700m; - Lắp đặt ĐH CN: 11.000 bộ dân.	x		371.000	92.750	25%	278.250	75%					320		320	
5	XD hoàn thiện tuyến ống truyền dẫn DN600 trên đường tỉnh lộ 23 từ Quý hoạch (Giai đoạn 1 - Từ cầu Trung Hòa đến cầu Nhật Tân)	- XD tuyến DN600, L = 1.06km đi dọc đường Bưởi; - Tán đung lại tuyến TD hiện trạng DN600, L = 1.15km trên đường Bưởi; - XD tuyến DN600, L = 4,67km đi dọc đường Võ Chí Công	x	1720/QĐ-NSHN-CTCN ngày 17/06/2024	185.893	71.424	39%	111.469	61%	20.432			146.346	2.606	144.678	148.952	141.038
6	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn nước D900 trên đường tỉnh lộ 23 từ NAIN Bắc Thăng Long đến nút giao cầu vượt Kim Chung	- XD tuyến TD DN900-DJ, L=1920.8m trên Tỉnh lộ 23 từ NMIN BTL đến nút giao cầu vượt Kim Chung	x	17440/QĐ-NSHN-CTCN ngày 10/6/2025	81.005	28.352	35%	52.653	65%	32.212			2.273	50.457	2.273	50.457	63.279
7	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn DN1000 dọc theo Quốc lộ 32 từ nước sạch cho các phường Từ Liêm, Cầu đường 70 về Vành đai 3 (ngã tư Giải Phóng đến nút giao cầu vượt Kim Chung)	- XD hai tuyến TD để bổ sung nguồn nước D900 trên đường tỉnh lộ 23 từ Xuân Thủy - Phạm Hùng	x		268.210	67.052	25%	201.158	75%								

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư				Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2026			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2026			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			A	B	C	KI		Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số giải ngân năm 2026	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2026	Kỳ trước chuyển sang	Đến 30/6/2026	Đến 30/6/2026	
8	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn DN300-DN1.000 từ nút ga đường Vành đai 3 (Bắc) - Trần Duy Hưng đến nút ga đường Văn Cao - Thụy Khuê	XD tuyến TD để bổ sung nguồn nước sạch cho các phường Ba Đình, Ngọc Hà: + Đoạn 1: tuyến D1000, L=1,7km dọc Trần Duy Hưng từ Bút C đến đường Láng; + Đoạn 2: tuyến D1000, L=1,8km dọc Nguyễn Chí Thanh từ Láng đến Kim Mã; + Đoạn 3: tuyến D1000, L=1km dọc Liễu Giai từ Kim Mã đến Đội Cấn; + Đoạn 4: tuyến D800, L=0,8km dọc Văn Cao từ Đội Cấn đến Thụy Khuê.				x	226.130	57,557	168,673	25%	75%	2027									
9	Dự án Xây dựng tuyến ống DN300 trên phố Chùa Láng cấp nước tăng cường cho Khu vực OVA - Xi nghiệp Đồng Đa	+ XD tuyến DN300 dọc đường Chùa Láng CN tăng cường khu vực OVA Đồng Đa, L = 1,5 km				x	13,754	100%		0%	2026				337	337		337	337		
10	XD tuyến ống DN400 cấp nước tăng cường cho Khu ngoại giao đoàn, Khu Tây Hồ Tây theo Quy hoạch	+ XD tuyến TD DN400 CN tăng cường cho Khu Ngoại Giao Đoàn, khu Tây Hồ Tây gồm: 02 tuyến TD HDPE DN400, L = 3.200m.				x	40,794	35%	26,516	65%	2026				1,019	1,019		1,019	1,019		
IV	Các dự án khác						12,818	26,109	-						1,722	1,955	3,677	1,722	1,955	3,677	-
1	Khởi phục cụm xử lý bùn cặn của NNN/Tương Mai bị ảnh hưởng do GPMB	Khởi phục cụm xử lý bùn cặn của NNN/Tương Mai				x	6,409	100%		0%	2025-2026				1,722	1,955	3,677	1,722	1,955	3,677	
2	Nâng cấp cải tạo hệ thống Scaada Wincc và Pnaac - Trung tâm vận hành cấp nước	XD HT điều hành thông minh theo 2 cấp: + Cấp 1: tại các Nhà máy nước; gồm phần từ tin tiếp dữ liệu và máy tính lưu trữ dữ liệu; + Cấp 2: tại Công ty đầu tư máy chủ và HT phần mềm;				x	6,409	307%		0%	2026										
V	Các dự án khác (Phòng Kế hoạch đầu tư và các đơn vị)						210,113	210,113	100%		2025-2027				18,550	191,563	95,781	14,840	168,091	32,838	31,483

Ghi chú: Số liệu từ cột (C) đến cột (I2) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án có doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2026

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng																				
STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ Quý II/2026	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cơ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số khả năng thanh toán nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Ghi chú		
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/12/25						Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm 31/12/25
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm Quý II/2026	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/25	Tại thời điểm Quý II/2026													
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
I	Công ty con																			
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548.914	548.914		96,64%	96,64%	568.000	574.923	778.006	220.242	20.335	6.682			<1	0,10			
II	Công ty liên kết																			
1	CTCP Vivaco		19.655	19.655		23,70%	23,70%	480.000	838.103	1.141.074	305.602	180.186	40.419	13.653	12,00%	<1	0,56			
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hà tăng Nước sạch Hà Nội		2.000	2.000		20,00%	20,00%	10.000	7.626	5.296	692	4	(1.331)			>1	2,70			
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		132.593	132.593		20,00%	20,00%	662.965		445		(2.236)	-							
4	CTCP Thấp nước Hà Nội		59.340	59.340		30,00%	30,00%	197.800	237.062	38.396	12.080	14.766	4.018			>1	1,82			
III	Đầu tư tài chính		1.259.961	99.961	-	10,00%	10,00%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99.961	99.961		10,00%	10,00%	999.611	372.791	943.600	273.435	319.944	68.502			>1	8,80			
2	Đầu tư tài chính khác		1.160.000																	

Ghi chú:

- Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư
- Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết
- Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo
- Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết
- Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết
- Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp
- Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết Quý II năm 2026, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết dừng quy định. Các đơn vị này cơ bản hoạt động ổn định.

Riêng Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng chưa cung cấp số liệu Quý I năm 2026, do đó Công ty Nước sạch Hà Nội chưa có cơ sở để đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại đơn vị. Công ty đã có văn bản đôn đốc và sẽ tiếp tục theo dõi, yêu cầu đơn vị cung cấp số liệu theo đúng quy định; tương hợp chậm trễ kéo dài, Công ty sẽ tổng hợp, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để xem xét, xử lý theo quy định.

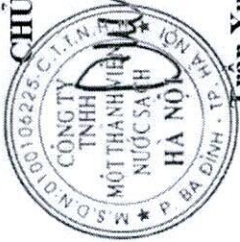
Người lập biểu

(Ký)

Nguyễn Thị Phương

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Trần Xuân Cường

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết Quý II năm 2026, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định. Các đơn vị này cơ bản hoạt động ổn định.

Riêng Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng chưa cung cấp số liệu Quý I năm 2026, do đó Công ty Nước sạch Hà Nội chưa có cơ sở để đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại đơn vị. Công ty đã có văn bản đón đốc và sẽ tiếp tục theo dõi, yêu cầu đơn vị cung cấp số liệu theo đúng quy định; trường hợp chậm trễ kéo dài, Công ty sẽ tổng hợp, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để xem xét, xử lý theo quy định.

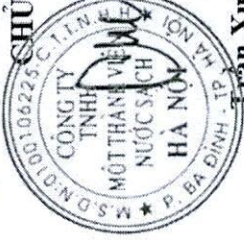
Người lập biểu

(Ký)

Nguyễn Thị Phương

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Trần Xuân Cường

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ II VÀ
LŨY KẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2024	Cùng kỳ năm 2025	Thực hiện năm 2026			Biến động so với (tỷ lệ %)	
			Kế hoạch	Ước thực hiện Quý II/2026	Ước thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	Ước TH Quý II/KH 2026	Ước TH lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 với KH 2026
	1	2	3	4	5	5 = 4/3	6 = 5/3
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	241.372.263	246.874.495	249.751.386	64.227.194	123.435.574	25,72%	49,42%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	214.760.294	220.341.641	224.042.928	57.899.974	110.986.224	25,84%	49,54%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.612.976	2.709.022	2.853.911	729.066	1.358.456	25,55%	47,60%
2. Giá vốn hàng bán	1.246.429	1.306.849	1.475.727	361.578	637.863	24,50%	43,22%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.366.547	1.402.173	1.378.184	367.488	720.593	26,66%	52,29%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	159.379	77.174	82.510	32.920	64.545	39,90%	78,23%
5. Chi phí tài chính	100.037	51.485	105.496	18.233	35.598	17,28%	33,74%
6. Chi phí bán hàng	861.287	976.642	991.529	219.230	441.153	22,11%	44,49%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	220.205	153.146	196.921	23.790	46.763	12,08%	23,75%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	344.397	298.074	166.748	139.155	261.624	83,45%	156,90%
9. Thu nhập khác	13.758	7.252	192.241	1	13	0,00%	0,01%
10. Chi phí khác	28.886	4.100	29.427			0,00%	0,00%

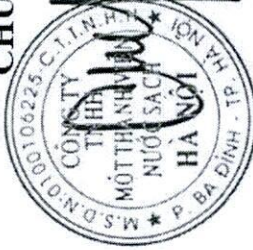
Nội dung	Cùng kỳ năm 2024	Cùng kỳ năm 2025	Thực hiện năm 2026			Biến động so với (tỷ lệ %)	
			Kế hoạch	Thực hiện Quý II/2026	Ước thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	Ước TH Quý II/KH 2026	Ước TH lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 với KH 2026
	1	2	3	4	5	5 = 4/3	6 = 5/3
11. Lợi nhuận khác	-15.128	3.152	162.814	1	13	0,00%	0,01%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	329.268	301.225	329.562	139.156	261.637	42,22%	79,39%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	101.307	61.958	61.582	25.101	49.597	40,76%	80,54%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	227.961	239.267	267.980	114.055	212.040	42,56%	79,13%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chi tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Thị Phương

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Trần Xuân Cường

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LŨY KẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-			-
- Thuế GTGT	(4.799.919.687)	-	-	(4.799.919.687)
- Thuế TNDN	(1.261.381.237)	44.596.784.531	23.161.797.479	20.173.605.815
- Thuế đất	(3.619.868.559)	9.552.962.957	8.584.556.049	(2.651.461.651)
- Thuế Tài nguyên	4.519.300.400	28.075.692.465	26.887.474.210	5.707.518.655
- Thuế Thu nhập cá nhân	(1.351.634.228)	5.967.681.308	4.225.976.650	390.070.430
+ Số được hoàn thuế TNCN				(9.869.661.373)
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	21.581.998.649	120.750.647.667	123.075.285.854	19.257.360.462
- Các khoản phải nộp khác	4.186.496.495		82.080.000	4.104.416.495
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	(59.019.052.704)	151.246.781.884		92.227.729.180

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ LŨY KẾ ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

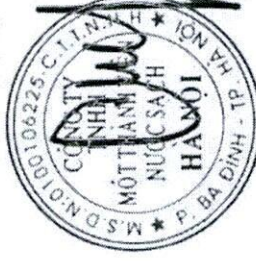
Chỉ tiêu	ĐVT: triệu đồng			
	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	149.718.509.731			149.718.509.731
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	40.607.337.639	96.423.084.702	70.127.131.878	66.903.290.463
3. Quỹ thưởng VCQLDN	347.022.360		287.720.126	59.302.234
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ Khoa học công nghệ	184.380.000.000			184.380.000.000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Thị Phương

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Trần Xuân Cường